

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HS-ST
Ngày 09 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Đức;
2. Bà Nguyễn Thị An.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.
Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2025/HSST ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: số nhà C, tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên; số căn cước công dân 034069007297; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/9; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Ú (đã chết) và bà Trần Thị Đ (đã chết); vợ Nguyễn Thị Mai H; có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006; Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy.

Nhân thân: Bản án số 56/2007/HSST ngày 11/4/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên) xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/6/2007, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2009.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 144/2023/HSST ngày 24/8/2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên) xử phạt 01 năm 01 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/10/2023, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/5/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2025 đến ngày 25/12/2025 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Thái Bình, Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh H. *(Trích xuất có mặt tại phiên tòa)*.

2. Người chứng kiến:

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1975(vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ dân phố A, phường V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/12/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Phạm Văn T đi bộ từ nhà đến khu vực cầu C, phường T, tỉnh Hưng Yên mục đích mua ma túy về sử dụng. Đến nơi, T gặp và mua 01 túi ma túy của người nam giới khoảng 40 tuổi, không biết tên và địa chỉ với giá 300.000 đồng, T cầm và cất giấu túi ma túy vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi đi tìm chỗ để sử dụng. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, khi T đang đi bộ tại đường liên thôn thuộc tổ dân phố Đ, phường V, tỉnh Hưng Yên, bị tổ công tác Công an phường V, tỉnh Hưng Yên phát hiện có nghi vấn liên quan đến ma túy, yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1975, cùng cư trú: tổ dân phố A, phường V, tỉnh Hưng Yên và đại diện chính quyền địa phương, Tình tự N lấy từ trong túi quần phía trước bên phải đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nylon có gờ mép cài màu đỏ, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt và khai nhận đó là ma túy, loại Methamphetamine của T mua về cất giấu để sử dụng (qua giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5265 gam). Tổ công tác đã đưa Phạm Văn T cùng vật chứng và mời người chứng kiến về trụ sở Công an phường V, tỉnh Hưng Yên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu theo quy định của pháp luật.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không phát hiện thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Kết luận giám định số 2070/KL-KTHS ngày 22/12/2025 của Phòng K1

Công an tỉnh H, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5265 gam.

Tại bản cáo trạng số 155/CT - VKSKV5 ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c, khoản 1, điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung tại Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249 (sửa đổi bổ sung tại Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự); Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 03 năm 09 tháng tù đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 19/12/2025.

Phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn T từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số 2070/KL-KTHS của phòng K1 - Công an tỉnh H.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 16 giờ 15 phút 19/12/2025, tại khu vực đường liên thôn thuộc tổ dân phố Đ, phường V, tỉnh Hưng Yên; Phạm Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,5265 gam (Không phải năm nghìn hai trăm sáu mươi lăm gam) ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng, bị Công an phường V, tỉnh Hưng Yên phát hiện, bắt quả tang. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an phường V, tỉnh Hưng Yên lập ngày 19/12/2025; Kết luận giám định số 2070/KL-KTHS ngày 22/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5265 gam; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến: chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981 và anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1975, cùng cư trú: tổ dân phố A, phường V, tỉnh Hưng Yên và phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung tại Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

a)

c) Heroine, C, M, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất gây nghiện. Ma túy không những làm sa sút sức khỏe, trí

tuệ con người, là nguồn gốc phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Bị cáo biết tác hại của ma túy nhưng vẫn tàng trữ ma túy để sử dụng vì vậy phải xử lý nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng mức độ phạm tội của bị cáo, có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Ngoài hình phạt tù trong điều luật còn quy định: Người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Nhân thân của bị cáo bị xét xử về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không lấy làm bài học vẫn tàng trữ ma túy để sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 0,4655 gam Methamphetamine sau giám định hoàn lại đựng phong bì niêm phong số 2070/KL-KTHS của phòng K1 - Công an tỉnh H, là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về nguồn gốc ma túy: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/12/2025, Phạm Văn T mua số ma túy trên của người nam giới khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu V, phường T, tỉnh Hưng Yên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không có căn cứ để điều tra, xác minh xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1, 5 Điều 249 (sửa đổi bổ sung tại Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự); Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/12/2025.

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn T số tiền 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,4655 gam Methamphetamine sau giám định hoàn lại đựng phong bì niêm phong số 2070/KL-KTHS của phòng K1 - Công an tỉnh H. *(Vật chứng trên được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Hưng Yên quản lý).*

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hưng Yên;
- UBND phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HS, VP.

Phan Anh Tuấn